

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2021

*V/v ly hôn giữa chị Th
và anh T.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Trung

2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29-01-2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04 /2021/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981(có mặt).

Địa chỉ: Khu Th, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1978 (anh T xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Th, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo trình bày: Chị và anh T kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T vào ngày 25-9-2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 01- 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không bao ban được nhau trong cuộc sống, chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng mâu thuẫn căng

thăng và sống ly thân từ tháng 06-2015 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện H giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Khánh A, sinh ngày 11-3-2007 và Nguyễn Xuân B, sinh ngày 16-02-2012. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng cả 02 con. Khi ly hôn chị xin được nuôi 02 con, chị xin nuôi 02 con hoàn toàn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 04-01-2021 bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày: Về điều kiện kết hôn như chị Th trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 6-2015 đến nay. Nay chị Th xin ly hôn anh, anh không xin đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh chưa muốn vợ chồng ly hôn, anh muốn cháu A trưởng thành học xong lớp 12 lúc đó anh sẽ nhất trí ly hôn. Về nuôi con chung: Anh và chị Th có 02 con chung như chị Th trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh anh tôn trọng quan điểm của 02 con, các cháu xin ở với ai người đó được nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành cơ bản đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa chị Th và anh T. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 11-3-2007 và cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 16-02-2012 cho chị Th nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th xin nuôi 02 con hoàn toàn không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh T, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H. Anh T xin xử

vắng mặt, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Th và anh T kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T vào ngày 25-9-2006, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 06-2015 đến nay. Mặc dù anh T chưa muốn vợ chồng ly hôn, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa chị Th và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Cần giao cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 11-3-2007 và cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 16-02-2012 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, vì quan điểm của cháu A và cháu B đều xin được ở với mẹ. chấp nhận việc chị Th xin nuôi 02 con hoàn toàn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83- Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Th phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận;

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Xuân T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 11-3-2007 và cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 16-02-2012 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006257 ngày 10-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ tuyên án, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu tại UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Trần Thị Nhàn